

SỞ TƯ PHÁP TÂY NINH

HỎI - ĐÁP LUẬT

XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH  
CỦA CÔNG DÂN VIỆT NAM



NĂM 2020

## 1. Hỏi: Việc xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam phải tuân thủ các nguyên tắc như thế nào?

### Trả lời:

Nguyên tắc xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam được quy định tại Điều 3 Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, bao gồm:

- Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, thuận lợi cho công dân Việt Nam; chặt chẽ, thống nhất trong quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

- Bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam trong hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh.

- Mọi hành vi vi phạm pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh của cơ quan, tổ chức, cá nhân phải được phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

## 2. Hỏi: Pháp luật quy định về các hành vi bị nghiêm cấm như thế nào?

### Trả lời:

Điều 4 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam quy định các hành vi bị nghiêm cấm, gồm:

- Cố ý cung cấp thông tin sai sự thật để được cấp, gia hạn, khôi phục hoặc về báo mất giấy tờ xuất nhập cảnh.

- Làm giả, sử dụng giấy tờ xuất nhập cảnh giả để xuất cảnh, nhập cảnh hoặc đi lại, cư trú ở nước ngoài.

- Tặng, cho, mua, bán, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố, nhận cầm cố giấy tờ xuất nhập cảnh; hủy hoại, tẩy xóa, sửa chữa giấy tờ xuất nhập cảnh.

- Sử dụng giấy tờ xuất nhập cảnh trái quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín hoặc gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước.

- Lợi dụng xuất cảnh, nhập cảnh để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Việt Nam, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc

tính mạng, sức khỏe, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân.

- Xuất cảnh, nhập cảnh trái phép; tổ chức, môi giới, giúp đỡ, chứa chấp, che giấu, tạo điều kiện cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép; qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục theo quy định.

- Cản trở, chống người thi hành công vụ trong việc cấp giấy tờ xuất nhập cảnh hoặc kiểm soát xuất nhập cảnh.

- Những nhiễu, gây phiền hà, tự đặt thêm các loại giấy tờ, phí, lệ phí, kéo dài thời hạn khi giải quyết các thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh; cản trở công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

- Cấp giấy tờ xuất nhập cảnh không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng; không ngăn chặn theo thẩm quyền hành vi vi phạm pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

- Hủy hoại, làm sai lệch, làm lộ thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam trái quy định của pháp luật.

- Thu giữ, không cấp giấy tờ xuất nhập cảnh, tạm hoãn xuất cảnh, giải quyết xuất cảnh trái quy định của pháp luật.

## 3. Hỏi: Qua báo đài, anh T nghe được thông tin nhà nước vừa thông qua Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam có quy định về hộ chiếu có gắn chip điện tử song không hiểu nội dung này như thế nào? Hè này cả nhà anh muốn đi du lịch Singapore nên muốn biết công dân Việt Nam có quyền và nghĩa vụ gì về xuất cảnh, nhập cảnh?

### Trả lời:

Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam được Quốc hội khóa XIV thông qua 22/11/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020. Theo Khoản 4 Điều 2, hộ chiếu có gắn chip điện tử là hộ chiếu có gắn thiết bị điện tử lưu giữ thông tin được mã hóa của người mang hộ chiếu và chữ ký số của người cấp.

Đồng thời, theo Điều 5 của văn bản luật này, công



dân Việt Nam có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Công dân Việt Nam có các quyền sau đây:

+ Được cấp giấy tờ xuất nhập cảnh theo quy định của Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam;

+ Người từ đủ 14 tuổi trở lên có quyền lựa chọn cấp hộ chiếu có gắn chip điện tử hoặc hộ chiếu không gắn chip điện tử;

+ Được xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam;

+ Được bảo đảm bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, trừ trường hợp phải cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định của pháp luật;

+ Yêu cầu cung cấp thông tin về xuất cảnh, nhập cảnh của mình; yêu cầu cập nhật, chỉnh sửa thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, giấy tờ xuất nhập cảnh của mình để bảo đảm đầy đủ, chính xác;

+ Sử dụng hộ chiếu của mình để thực hiện giao dịch hoặc thủ tục khác theo quy định của pháp luật;

+ Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện, yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Công dân Việt Nam có các nghĩa vụ sau đây:

+ Chấp hành quy định của pháp luật Việt Nam về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và pháp luật của nước đến khi ra nước ngoài;

+ Thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy tờ xuất nhập cảnh, gia hạn hộ chiếu, khôi phục giá trị sử dụng hộ chiếu theo quy định của Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam;

+ Sử dụng giấy tờ xuất nhập cảnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp để xuất cảnh, nhập cảnh;

+ Chấp hành yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền trong việc kiểm tra người, hành lý, giấy tờ xuất nhập cảnh khi làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh;

+ Nộp lệ phí cấp giấy tờ xuất nhập cảnh theo quy định của pháp luật.

- Người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người chưa đủ 14 tuổi thông qua người đại diện hợp pháp của mình thực hiện

quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

**4. Hỏi: Kết thúc năm học thành công, chị A có 02 con trai 6 tuổi và 10 tuổi cùng gia đình muốn đi du lịch nước ngoài có quyền lựa chọn cấp hộ chiếu có gắn chip điện tử hay không? Ngoài ra, chồng chị A có hộ chiếu công vụ có được xuất cảnh hay không?**

**Trả lời:**

Giấy tờ xuất nhập cảnh được quy định tại Điều 6 Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam bao gồm:

- Hộ chiếu ngoại giao;
- Hộ chiếu công vụ;
- Hộ chiếu phổ thông;
- Giấy thông hành.

Hộ chiếu có gắn chip điện tử hoặc không gắn chip điện tử cấp cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên. Hộ chiếu không gắn chip điện tử được cấp cho công dân Việt Nam chưa đủ 14 tuổi hoặc cấp theo thủ tục rút gọn.

Thông tin trên giấy tờ xuất nhập cảnh bao gồm: ảnh chân dung; họ, chữ đệm và tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; quốc tịch; ký hiệu, số giấy tờ xuất nhập cảnh; ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; ngày, tháng, năm hết hạn; số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân; chức vụ, chức danh đối với hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ phù hợp với yêu cầu đối ngoại.

**5. Hỏi: Hai anh chị M và N tranh cãi về thời hạn của giấy tờ xuất nhập cảnh. Theo anh N thì các giấy tờ xuất nhập cảnh có thời hạn giống nhau, đều có giá trị 10 năm mới cần gia hạn. Tuy nhiên, chị N lại cho rằng, mỗi loại giấy tờ xuất nhập cảnh có thời hạn khác nhau. Xin hỏi, ý kiến nào đúng?**

**Trả lời:**

Ý kiến của chị N là chính xác theo quy định tại Điều 7 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt



Nam đã quy định về thời hạn của giấy tờ xuất nhập cảnh như sau:

- Hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ có thời hạn từ 01 năm đến 05 năm; có thể được gia hạn một lần không quá 03 năm.

- Thời hạn của hộ chiếu phổ thông được quy định như sau:

a) Hộ chiếu phổ thông cấp cho người từ đủ 14 tuổi trở lên có thời hạn 10 năm và không được gia hạn;

b) Hộ chiếu phổ thông cấp cho người chưa đủ 14 tuổi có thời hạn 05 năm và không được gia hạn;

c) Hộ chiếu phổ thông cấp theo thủ tục rút gọn có thời hạn không quá 12 tháng và không được gia hạn.

- Giấy thông hành có thời hạn không quá 12 tháng và không được gia hạn.

#### **6. Hỏi: Pháp luật quy định đối tượng được cấp hộ chiếu công vụ bao gồm những ai?**

##### **Trả lời:**

Theo Điều 9 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, đối tượng được cấp hộ chiếu công vụ bao gồm:

- Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

- Viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm:

a) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; người giữ chức vụ cấp trưởng, cấp phó tổ chức cấu thành đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;

b) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; người giữ chức vụ cấp trưởng, cấp phó tổ chức cấu thành đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các Ban và cơ quan tương đương của Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán nhà nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội;



c) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; người giữ chức vụ cấp trưởng, cấp phó tổ chức cấu thành đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tổng cục, Cục và tương đương trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ; Tỉnh ủy, Thành ủy thành phố trực thuộc trung ương; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;

d) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Huyện ủy, Quận ủy, Thị ủy, Thành ủy thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy thành phố trực thuộc trung ương; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

đ) Người giữ vị trí việc làm gắn với nhiệm vụ quản lý nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân; người làm công tác cơ yếu trong tổ chức cơ yếu.

- Nhân viên cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài; phóng viên thông tấn và báo chí nhà nước của Việt Nam thường trú ở nước ngoài.

- Vợ hoặc chồng, con chưa đủ 18 tuổi của Nhân viên cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài; phóng viên thông tấn và báo chí nhà nước của Việt Nam thường trú ở nước ngoài đi theo hoặc đi thăm những người này trong nhiệm kỳ công tác.

- Trong trường hợp cần thiết, căn cứ vào yêu cầu và tính chất của chuyến đi, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao thực hiện việc cấp hộ chiếu công vụ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ hoặc xem xét cấp hộ chiếu công vụ theo đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 11 của Luật này cho những người không thuộc diện quy định tại Điều này.

### 7. Hỏi: Đối tượng nào được cấp hộ chiếu phổ thông?

#### Trả lời:

Theo Điều 14 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam về đối tượng được cấp hộ chiếu phổ thông như sau:

Công dân Việt Nam được xem xét cấp hộ chiếu phổ thông trừ các trường hợp chưa cấp giấy tờ xuất

nhập cảnh gồm: Người chưa chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm theo quy định của Luật; người bị tạm hoãn xuất cảnh và trường hợp vì lý do quốc phòng, an ninh theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an.

### 8. Hỏi: Giấy tờ để cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nước bao gồm những loại nào?

#### Trả lời:

Theo Khoản 2 Điều 15 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, giấy tờ liên quan đến việc cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nước bao gồm:

a) Bản sao giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh đối với người chưa đủ 14 tuổi;

b) Hộ chiếu phổ thông cấp lần gần nhất đối với người đã được cấp hộ chiếu; trường hợp hộ chiếu bị mất phải kèm đơn báo mất hoặc thông báo về việc đã tiếp nhận đơn của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 28 của Luật này;

c) Bản chụp Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân đối với trường hợp có sự thay đổi thông tin về nhân thân so với thông tin trong hộ chiếu đã cấp lần gần nhất;

d) Bản chụp có chứng thực giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp chứng minh người đại diện hợp pháp đối với người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người chưa đủ 14 tuổi. Trường hợp bản chụp không có chứng thực thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu.

### 9. Hỏi: Bà K là công dân Việt Nam sinh sống tại thị trấn N thuộc tỉnh X, giáp biên giới với nước láng giềng Campuchia. Bà K muốn được cấp giấy thông hành để sang nước bạn tìm hiểu thị trường buôn bán có được không?

#### Trả lời:

Theo quy định tại Điều 19 về đối tượng được cấp giấy thông hành bao gồm:

- Công dân Việt Nam cư trú ở đơn vị hành chính cấp xã, huyện, tỉnh có chung đường biên giới với nước láng giềng.



- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của tỉnh có chung đường biên giới với nước láng giềng.

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở trung ương, địa phương khác nhưng có trụ sở đóng tại tỉnh có chung đường biên giới với nước láng giềng.

Như vậy, bà K thuộc đối tượng được cấp giấy thông hành.

### 10. Hỏi: Việc cấp giấy thông hành được pháp luật quy định như thế nào?

#### Trả lời:

Theo Điều 20 về cấp giấy thông hành như sau:

- Người đề nghị cấp giấy thông hành nộp hồ sơ và nhận kết quả tại cơ quan có thẩm quyền quy định dưới đây. Trường hợp không cấp giấy thông hành, cơ quan có thẩm quyền hoặc người tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm trả lời và nêu rõ lý do cho người đề nghị biết.

- Công an xã, phường, thị trấn, công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh tiếp giáp đường biên giới với nước láng giềng cấp giấy thông hành cho các trường hợp theo quy định.

### 11. Hỏi: Người được cấp giấy tờ xuất nhập cảnh có trách nhiệm như thế nào?

#### Trả lời:

Theo quy định tại Điều 23 về trách nhiệm của người được cấp giấy tờ xuất nhập cảnh như sau:

- Giữ gìn, bảo quản giấy tờ xuất nhập cảnh; báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền khi bị mất giấy tờ xuất nhập cảnh; làm thủ tục cấp mới khi giấy tờ xuất nhập cảnh bị hư hỏng, thay đổi thông tin về nhân thân, đặc điểm nhận dạng, xác định lại giới tính.

- Chỉ được sử dụng một loại giấy tờ xuất nhập cảnh còn giá trị sử dụng cho mỗi lần xuất cảnh, nhập cảnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh, phải nộp lại hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ cho cơ quan, người quản lý hộ chiếu quy định, trừ trường hợp có lý

do chính đáng do người đứng đầu cơ quan quyết định.

- Khi thay đổi cơ quan làm việc, phải báo cáo cơ quan, người quản lý hộ chiếu nơi chuyển đi và chuyển đến để thực hiện việc quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ theo quy định của Luật này.

### 12. Hỏi: Việc sử dụng hộ chiếu phổ thông, giấy thông hành được quy định như thế nào?

#### Trả lời:

Theo Điều 17, việc sử dụng hộ chiếu phổ thông, giấy thông hành được quy định:

- Công dân Việt Nam được cấp hộ chiếu phổ thông được sử dụng hộ chiếu phổ thông để xuất cảnh, nhập cảnh, trừ trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh.

- Công dân Việt Nam được cấp giấy thông hành được sử dụng giấy thông hành để qua lại biên giới và hoạt động tại nước láng giềng theo điều ước quốc tế giữa Việt Nam với nước có chung đường biên giới, trừ trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh.

### 13. Hỏi: Pháp luật quy định các trường hợp nào thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu?

#### Trả lời:

Theo Điều 27, các trường hợp thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu bao gồm:

- Hủy giá trị sử dụng hộ chiếu còn thời hạn bị mất

- Thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu của người được thôi quốc tịch, bị tước quốc tịch Việt Nam, bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.

- Thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ còn thời hạn đối với trường hợp không còn thuộc đối tượng được sử dụng.

- Thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu đã cấp cho người thuộc trường hợp quy định.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Ông Lý Hoàng Vũ - Phó Giám đốc Sở Tư pháp

In 10.000 bản, khổ 21x48,7cm tại

Cty TNHH In Ấn - Văn Phòng Phẩm Danh Tiếng Phát

Đ/c: 561/209/7 Đại lộ Bình Dương, P. Hiệp Thành, Thủ Dầu Một, Bình Dương. MST: 3700809923

GPXB số: 21/GP-STTTT do STTTT cấp ngày 04/8/2020.

In và nộp lưu chiểu tháng 8/2020